

Số: 599/CNG-CBTT

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 04 năm 2020

V/v: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên  
năm 2020.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK.TP HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Công ty: Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam

Mã chứng khoán: CNG

Trụ sở chính: Số 61B – Đường 30/4 – Phường Thắng Nhất – Tp. Vũng Tàu.

Điện Thoại: 0254. 3574.635

Fax: 0254 .3574.619

Loại thông tin công bố:  X 24 giờ  72 giờ  theo yêu cầu  Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam xin công bố thông tin Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT; CBTT. S.03

**Người thực hiện công bố thông tin**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thị Hồng Hải

Số: 10 /NQ-ĐHĐCĐ

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 04 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/04/2019;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi lần 12) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh BRVT cấp ngày 23/05/2018;
- Căn cứ Biên bản số 03/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần CNG Việt Nam,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020. Tỷ lệ tán thành: 99,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, cụ thể như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019:

| Stt | Các chỉ tiêu chính     | Đvt                   | Cả năm 2019 |           |           |
|-----|------------------------|-----------------------|-------------|-----------|-----------|
|     |                        |                       | Kế hoạch    | Thực hiện | Tỷ lệ (%) |
| 1   | Sản lượng khí tiêu thụ | Triệu SM <sup>3</sup> | 156,0       | 192,2     | 123%      |
| -   | Miền Nam               | Triệu SM <sup>3</sup> | 137,0       | 179,6     | 131%      |
| -   | Miền Bắc               | Triệu SM <sup>3</sup> | 19,0        | 12,6      | 66%       |
| 2   | Tổng Doanh thu         | Tỷ đồng               | 1.746,9     | 2.146,7   | 123%      |
| -   | Miền Nam               | Tỷ đồng               | 1.522,6     | 1.933,9   | 127%      |
| -   | Miền Bắc               | Tỷ đồng               | 224,3       | 212,8     | 95%       |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế   | Tỷ đồng               | 105,6       | 107,6     | 102%      |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế     | Tỷ đồng               | 84,4        | 84,4      | 100%      |
| 5   | Nộp NSNN               | Tỷ đồng               | 53,6        | 44,7      | 83%       |

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2020:

| Stt | Chỉ tiêu               | ĐVT                   | Kế hoạch năm 2020 |
|-----|------------------------|-----------------------|-------------------|
| 1   | Tổng sản lượng CNG     | Triệu SM <sup>3</sup> | 320,0             |
| -   | Miền Nam               | Triệu SM <sup>3</sup> | 250,0             |
| -   | Miền Bắc               | Triệu SM <sup>3</sup> | 70,0              |
| 2   | Tổng doanh thu         | Tỷ đồng               | 3.351,0           |
| -   | Miền Nam               | Tỷ đồng               | 2.591,0           |
| -   | Miền Bắc               | Tỷ đồng               | 760,0             |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế   | Tỷ đồng               | 100,1             |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế     | Tỷ đồng               | 80,1              |
| 5   | Tỷ lệ LNST/VĐL         | %                     | 30                |
| 6   | Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL  | %                     | 25                |
| 7   | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng               | 45,8              |

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế được tính trên cơ sở giá dầu năm 2020 là 60 USD/thùng và tỷ giá 23.500 đồng/USD.

- Điều 2:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch năm 2020 (*Chi tiết như tài liệu kèm theo*). Tỷ lệ tán thành: 99,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 3:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020 (*Chi tiết như tài liệu kèm theo*). Tỷ lệ tán thành: 99,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán (*Chi tiết như tài liệu kèm theo*). Tỷ lệ tán thành: 99,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 5:** Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020. Tỷ lệ tán thành: 98,13% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, cụ thể như sau:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Diễn giải                     | Thực hiện năm 2019 |                 |
|-----|-------------------------------|--------------------|-----------------|
|     |                               | Tỷ lệ (%)          | Thành tiền      |
| I   | Lợi nhuận (sau thuế)          |                    | 153.696.808.183 |
| 1   | Lợi nhuận năm trước chưa chia |                    | 69.349.531.253  |

| Stt | Diễn giải                                    | Thực hiện năm 2019 |                |
|-----|--|--------------------|----------------|
|     |  | Tỉ lệ (%)          | Thành tiền     |
| 2   | Lợi nhuận năm nay                            |                    | 84.347.276.930 |
| II  | Dự kiến phân bổ lợi nhuận                    |                    | 98.774.923.917 |
| 1   | Cổ tức 25% vốn điều lệ                       | 25%                | 67.500.000.000 |
| 2   | Quỹ Đầu tư phát triển (ĐTPT)                 | 20%                | 16.869.455.386 |
| 3   | Quỹ khen thưởng phúc lợi                     |                    | 13.905.468.531 |
| 4   | Quỹ thưởng Ban điều hành                     |                    | 500.000.000    |
| III | Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau |                    | 54.921.884.266 |

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Diễn giải                                    | Kế hoạch năm 2020 |                 |
|-----|--|-------------------|-----------------|
|     |  | Tỉ lệ (%)         | Thành tiền      |
| I   | Lợi nhuận (sau thuế)                         |                   | 135.021.884.266 |
| 1   | Lợi nhuận năm trước chưa chia                |                   | 54.921.884.266  |
| 2   | Lợi nhuận năm nay                            |                   | 80.100.000.000  |
| II  | Dự kiến phân bổ lợi nhuận                    |                   | 83.000.000.000  |
| 1   | Cổ tức 25% vốn điều lệ                       | 25%               | 67.500.000.000  |
| 2   | Quỹ Đầu tư phát triển (ĐTPT)                 |                   | -               |
| 3   | Quỹ khen thưởng phúc lợi                     |                   | 15.000.000.000  |
| 4   | Quỹ thưởng Ban điều hành                     |                   | 500.000.000     |
| III | Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau |                   | 52.021.884.266  |

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty Cổ phần CNG Việt Nam xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2020 hoặc theo giá dầu thực tế hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.

- Điều 6:** Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và GD thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Tỷ lệ tán thành: 99,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 6.1. Tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS và GD thực hiện năm 2019: 5.450.705.398 đồng.
- 6.2. Tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS và GD năm 2020: 5.456.346.468 đồng.
- Điều 7:** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong bốn Công ty kiểm toán độc lập (PWC Việt Nam, Deloitte Việt Nam, Ernst & Young Việt Nam và KPMG Việt Nam) để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành và giao cho Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn. Tỷ lệ tán thành: 99,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 8:** Thông qua Tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ tán thành: 98,22% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 9:** Thông qua việc bầu bà Nguyễn Thị Hồng Hải giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CNG VN. Tổng số phiếu bầu chiếm 98,13% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 10:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 10;
- Lưu VT, HĐQT.04.

**T/M. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**CHỦ TỌA**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

  
  
**Nguyễn Thị Hồng Hải**